

Nội dung bài viết

1. [Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 trang 26: Chính tả](#)

*Giải vở bài tập Tiếng Việt lớp 2 trang 26: Chính tả*

**Câu 1:**

a) Điền **tr** hoặc **ch** vào chỗ trống :

- ...ú mưa	- ...uyên tin	- ...ở hàng
- ...ú ý	- ...uyên cảnh	- ...ở về

b) Đặt **dấu hỏi** hoặc **dấu ngã** trên chữ in đậm :

số <b>ch</b> ăn	chăm <b>ch</b> i	mệt <b>m</b> oi
số <b>l</b> e	lông <b>l</b> eo	buồn <b>b</b> a

**Lời giải chi tiết:**

a)

- <b>tr</b> ú mưa	- <b>tr</b> uyền tin	- <b>ch</b> ở hàng
- <b>ch</b> ú ý	- <b>ch</b> uyên cảnh	- <b>tr</b> ở về

b)

số <b>ch</b> ẵ	chăm <b>ch</b> ỉ	mệt <b>m</b> ỏi
số <b>l</b> ẻ	lông <b>l</b> ẻo	buồn <b>b</b> ả

**Câu 2:** Tìm từ ngữ:

a) - Chứa tiếng bắt đầu bằng **ch** :

.....

- Chứa tiếng bắt đầu bằng **tr** :

.....

**M** : *chỏi rơm*

b) - Chứa tiếng có **thanh hỏi** :

.....

- Chứa tiếng có **thanh ngã** :

.....

**M** : *ngõ hẹp*

**Lời giải chi tiết:**

a) - Chứa tiếng bắt đầu bằng **ch** : *chim chóc, chăm chỉ, chông chênh, chao đảo, che đậy, chiêm, chung, chai, chải chuốt, chả lụa, chảo, chào cờ, chạy,...*

- Chứa tiếng bắt đầu bằng **tr** : *tre, trên, trong, trai, trách, trà trộn, trả bài, trách móc, trái đất, tràn lan, trang trí, truyện tranh, trần trọc,...*

b) - Chứa tiếng có **thanh hỏi** : *trả giá, chả giò, trả bài, tất cả, hí hả, cây sả, ra rả, số lẻ, vẽ mặt, cổ áo,...*

- Chứa tiếng có **thanh ngã** : *vấp ngã, số chẵn, lí lẽ, chững chạc, mũ nón, tập vẽ, ăn cỗ, giỗ tổ, vỗ tay,...*